

Số: 09 /BC-MNCT

Cát Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT
NGÀY 03 THÁNG 6 NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Cát Thành

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Khu A, Thôn Trường Giang, xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình

Khu B, Thôn Nam Hưng, xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình

Email: catthanh.mn@gmail.com

Website: <https://mncatthanh.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

a. Sứ mạng:

Phát triển cộng đồng chung tay phát triển giáo dục mầm non. Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân cả trường công lập và tư thục

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn, là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập, tự chủ và chịu trách nhiệm biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

c. Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo, chuẩn bị các điều kiện phổ cập trẻ mẫu giáo năm 2030. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

5. Quá trình hình thành và phát triển.

Trường mầm non Thị trấn Cát Thành được sáp nhập từ 2 trường Mầm non Trục Cát và trường Mầm non Trục Thành từ tháng 06/2019 theo Quyết định số 2326/QĐ-UBND huyện Trục Ninh ngày 12/6/2019

Tháng 7 năm 2025 trường trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Cát Thành theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc thay đổi tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình.

Trường Mầm non Cát Thành có 2 khu với tổng diện tích đất là 7.516 m²; có sân chơi rộng, sân trường có cây xanh cho bóng mát, hệ thống sân vườn được bố trí khoa học.

- Trường có 01 Chi bộ Đảng với 39 Đảng viên chính thức

- Hiện nay, trường mầm non Cát Thành có 27 nhóm, lớp kang trang với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ đáp ứng với yêu cầu giáo dục hiện nay. Trường có 59 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, yêu nghề, mến trẻ. Trường có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp và được tặng các danh hiệu thi đua và giấy khen.

- Nhà trường có đội ngũ CB-GV-NV có trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Phạm Thị Mận - Chức vụ hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Cát Thành, xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0913.622.136

Email: phamthiman25061976@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của UBND xã Cát Thành.

b. Quy chế, tổ chức và hoạt động của nhà trường, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

* Cơ cấu tổ chức nhà trường:

- Hiệu trưởng Bà Phạm Thị Mận

- Phó hiệu trưởng Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Nhà trường có Chi bộ Đảng có 39 đảng viên, Ban chỉ ủy gồm: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 chi ủy viên. Bí thư chi bộ là đồng chí Phạm Thị Mận - Hiệu trưởng nhà trường; Phó Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Thị Hồng Nhung - Phó hiệu trưởng nhà trường; Chi ủy viên là đồng chí: Nguyễn Thị Thu Hường – Giáo viên nhà trường. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Tổ chuyên môn: Nhà trường có 2 tổ chuyên môn, được kiện toàn vào đầu năm học theo quy định. Tổ chuyên môn khối Mẫu giáo có 46 thành viên do đồng chí Nguyễn Thị Khánh Hoà làm tổ trưởng; Đ/c Nguyễn Thị Huệ tổ phó CM; Tổ chuyên môn Nhà trẻ có 10 thành viên do đồng chí Đoàn Thị Nhuận làm tổ trưởng

- Lớp học: Nhà trường có 10 nhóm lớp; trong đó nhóm trẻ 24-36 tháng 3 lớp; Lớp Mẫu giáo 7 lớp (2 lớp 3 tuổi; 2 lớp 4 tuổi; 3 lớp 5 tuổi) Toàn trường có 646 học sinh.

* Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhà trường có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Mầm non như sau:

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
Phạm Thị Mận	Hiệu trưởng	0913.622.136	phamthiman25061976@gmail.com
Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phó hiệu trưởng	0942.092.057	nnhung251@gmail.com

* Phân công nhiệm vụ

- Đồng chí Phạm Thị Mận – Hiệu trưởng: Thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều 10. Điều lệ trường mầm non;

Trực tiếp điều hành các lĩnh vực: Quản lý đội ngũ, quản lý tài chính, thi đua khen thưởng, thanh tra, kiểm tra. Công tác tham mưu vận động tài trợ.

- Đ/c Nguyễn Thị Hồng Nhung - Phó Hiệu trưởng: Thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều 10 Điều lệ trường mầm non;

- Trực tiếp điều hành các lĩnh vực: Phụ trách chuyên môn Nhà trẻ và công tác phổ cập, xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn, quản lý hồ sơ nuôi dưỡng, KTNB, công tác an toàn trường học. Phụ trách các phong trào, hội thi do ngành, địa phương phát động.

- Trực tiếp điều hành các lĩnh vực: Công tác chuyên môn mẫu giáo, Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, kiểm tra đánh giá kết quả BDTX; phụ trách công tác CSDL ngành; đánh giá chuẩn nghề nghiệp CBQL, giáo viên cuối năm học; Phụ trách các phong trào hội thi do ngành, địa phương phát động.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Năm học 2024 – 2025 (Thời điểm tháng 9/2024)					Năm học 2025– 2026 (Thời điểm tháng 9/2025)						
		Tổng số	Trình độ đào tạo				Tổng số	Trình độ đào tạo					
			ThS	ĐH	CD	TC		Dưới TC	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC
	Tổng số GV, CBQL và NV												
I	Cán bộ quản lý	03		03			02		02				
1	Hiệu trưởng	01		01			01		01				
2	Phó hiệu trưởng	02		01			01		01				
II	Giáo viên	14		11	03		56		51	05			
1	Nhà trẻ	08		07	01		10		08	02			
2	Mẫu giáo	46		43	03		46		43	03			
III	Nhân viên	04		01		01	02	05		02		01	02
1	Nhân viên kế toán	01		01			01		01				
2	Nhân viên cấp dưỡng	09		02	01		06	09	02	01			06
3	Bảo vệ	02					02	02					02

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2023 – 2024 (Thời điểm tháng 5/2024)						Năm học 2024– 2025 (Thời điểm tháng 5/2025)							
		Tổng số	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp (Cấp trên ĐG)						Tổng số	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp (Tự ĐG)					
			Tốt	Tỷ lệ	Khá	Tỷ lệ	Đạt	Tỷ lệ		Tốt	Tỷ lệ	Khá	Tỷ lệ	Đạt	Tỷ lệ
I	Cán bộ quản lý	03	03	100				02	02	100					
1	Hiệu trưởng	01	01	100				01	01	100					
2	Phó hiệu trưởng	02	02	100				01	01	100					
II	Giáo viên	54	46	85	08	15		54	48	89	06	11			
1	Nhà trẻ	08	6	75	02	25		08	07	87,5	01	12,5			
2	Mẫu giáo	46	40	87	06	13		46	41	89	05	11			

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2023 – 2024 (Thời điểm tháng 5/2024)						Năm học 2024 – 2025 (Thời điểm tháng 5/2025)							
		Tổng số	Kết quả BDTX						Tổng số	Kết quả BDTX					
			Số tham gia	Số được miễn	Hoàn thành	Tỷ lệ	Không hoàn thành	Tỷ lệ		Số tham gia	Số được miễn	Hoàn thành	Tỷ lệ	Không hoàn thành	Tỷ lệ
I	Cán bộ quản lý	03	03		03	100%		02	02		02	100%			
1	Hiệu trưởng	01	01		01	100%		01	01		01	100%			
2	Phó hiệu trưởng	02	02		02	100%		01	01		01	100%			
II	Giáo viên	54	54		54	100%		54	54		54	100%			
1	Nhà trẻ	08	08		08	100%		08	08		08	100%			
2	Mẫu giáo	46	46		46	100%		46	46		46	100%			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024 – 2025 (Thời điểm tháng 9/2024)		Năm học 2025– 2026 (Thời điểm tháng 9/2025)	
		Số lượng	Bình quân (611 trẻ)	Số lượng	Bình quân (646 trẻ)
1	Diện tích đất	7516 m ²	12.3 m ²	7516 m ²	11.6 m ²
	Điểm trường	02		02	

2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng				
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	27		27	
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	27		27	
	Phòng vệ sinh	27		27	
	Phòng ngủ	0		0	
	Phòng khác	0		0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập	02		02	
	Thư viện	0		0	
	Phòng thể chất	0		0	
	Phòng âm nhạc	02		02	
	Phòng đa chức năng	0		0	
	Phòng khác	0		0	
2.3	Khối phòng tổ chức ăn	04		04	
	Nhà bếp	02		02	
	Nhà kho	02		02	
	Phòng khác	0		0	
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị	09		09	
	Phòng Hiệu trưởng	01		01	
	Phòng Phó Hiệu trưởng	01		01	
	Văn phòng trường	02		02	
	Phòng bảo vệ	02		02	
	Phòng y tế	02		02	
	Phòng nhân viên	01		01	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi	10 bộ		10 bộ	Đảm bảo yêu cầu tối thiểu 70% trở lên
4	Số lượng thiết bị đồ dùng ngoài trời	20		25	Đảm bảo theo quy định
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác				
	- Tivi	29		29	
	- Nhạc cụ	01		01	
	- Máy in	02		02	
	- Loa	02		02	
	- Máy tính văn phòng	0		0	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả năm học 2023 – 2024 (Thời điểm tháng 5/2024)			Kết quả năm học 2024 – 2025 (Thời điểm tháng 5/2025)				
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1			x				x	
Tiêu chí 1.2			x			x		
Tiêu chí 1.3			x				x	
Tiêu chí 1.4			x				x	
Tiêu chí 1.5			x				x	
Tiêu chí 1.6			x				x	
Tiêu chí 1.7			x			x		
Tiêu chí 1.8			x			x		
Tiêu chí 1.9			x			x		
Tiêu chí 1.10			x			x		
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1			x				x	
Tiêu chí 2.2			x				x	
Tiêu chí 2.3			x				x	
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1			x				x	
Tiêu chí 3.2			x				x	
Tiêu chí 3.3			x				x	
Tiêu chí 3.4			x				x	
Tiêu chí 3.5			x				x	
Tiêu chí 3.6			x			x		
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1			x				x	
Tiêu chí 4.2			x			x		
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1			x				x	
Tiêu chí 5.2			x				x	
Tiêu chí 5.3			x				x	
Tiêu chí 5.4			x			x		
Cộng			8	17		8	17	
Kết quả	Đạt mức 3			Đạt mức 3				

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả năm học 2022-2023		Kết quả năm học 2023-2024		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1, Khoản 1, Điều 22		x		x	
Tiêu chí 2, Khoản 2, Điều 22		x		x	
Tiêu chí 3, Khoản 3, Điều 22		x		x	
Tiêu chí 4, Khoản 4, Điều 22		x		x	
Tiêu chí 5, Khoản 5, Điều 22		x		x	
Tiêu chí 6, Khoản 6, Điều 22		x		x	
Kết quả	Không đạt Mức 4		Không đạt Mức 4		

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm:

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025 (thời điểm tháng 9/2024)							Năm học 2025-2026 (thời điểm tháng 9/2025)						
		Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo			Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215
1	Số trẻ em bình quân/lớp				17	20	25	25				20	21	25,5	27
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú														
III	Số trẻ em được kiểm	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215

	tra định kỳ sức khỏe														
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215
1	Số trẻ cân nặng bình thường	596			67	133	174	221	629			78	141	200	210
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	15			1	7	4	4	17			2	6	4	4
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	591			66	133	173	219	619			78	131	192	208
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	20			2	7	5	6	27			2	10	8	7
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	0			0	0	0	0	1			0	0	0	1
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	611			68	140	178	225	646			80	147	204	215
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	68			68				80			80			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	543				140	178	225	566				147	204	215

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
1	Tình hình tài chính		
a)	Các khoản thu phân theo:		
	- Ngân sách nhà nước	9.541.156.000	11.783.785.000

	- Hỗ trợ của nhà đầu tư		
	- Học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học	664.214.000	185.130.000
	- Kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài		
	- Nguồn thu khác và loại hoạt động (GD &ĐT, KHCN, hđ khác)	3.522.511.000	1.815.152.500
b)	Tình hình tài chính (các khoản chi phân theo):		
	- Chi tiền lương và thu nhập	9.660.900.249	8.054.207.480
	- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	485.228.251	674.967.644
	- Chi hỗ trợ người học		
	- Chi khác	3.423.304.307	1.651.052.500
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học (bao gồm học phí, lệ phí và tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học trước khi tuyển sinh		
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đ/v người học	3.240.000	1.395.000
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	158.448.193	3.403.839.876

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết kế hoạch đề ra. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, của các cấp các ngành phụ huynh học sinh hỗ trợ như: Cải tạo sân vườn, mua sắm bổ sung trang thiết bị cần thiết cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý nhà trường, phần mềm công chức viên chức, quản lý trang web...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành, CCVC theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông, phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang website <https://mncatthanh.ninhbinh.edu.vn>).

Nơi nhận:

- Công khai web nhà trường;
- Lưu VP./.

